

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **190/2025/DSST**
Ngày 29-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng hợp tác về
vốn góp

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Hạ;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Minh Châu;

2. Ông Nguyễn Nhiều Phong.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lý Thị Hậu, thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phan Hoàng Nam, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 52/2025/TLST-DS ngày 10-7-2025 về “tranh chấp hợp đồng hợp tác về vốn góp” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2025/QĐXX-ST ngày 29 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lâm Thị H**, sinh năm 1985; nơi cư trú: 197 Nguyễn Văn Rốp, khu phố 4, phường TN, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Lâm Thị H: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1975; nơi cư trú: 174 ấp Thành Trung, xã ND, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim C**, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp Phước Long 1, xã Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, anh Nguyễn Văn Đoàn trình bày: Chị H và chị C có mối quan hệ bạn bè. Chị C làm dịch vụ cho vay đáo hạn ngân hàng. Chị H làm kế toán, có tích góp được một ít tiền. Chị C cần tiền làm vốn dịch vụ cho vay đáo hạn ngân hàng nên hỏi vay chị H, do là bạn bè tin tưởng nhau nên chị H đồng ý cho vay tiền. Trong tháng 10/2020 chị H chuyển tiền cho chị C vay ba lần (không nhớ cụ thể ngày): Lần 1: 275.000.000 đồng; lần 2: 168.000.000 đồng; lần 3: 88.000.000 đồng, tổng cộng 531.000.000 đồng. Khi cho vay do bạn bè tin tưởng nhau nên không làm giấy

nợ, không có ai chứng kiến. Hai bên cũng không thỏa thuận lãi, chỉ nói với nhau khi nào chị C làm thủ tục đáo hạn ngân hàng cho khách được lãi (hoa hồng) bao nhiêu thì hai bên chia theo tỷ lệ vốn bỏ ra (hai bên không nói cụ thể chia bao nhiêu). Hai bên không có thỏa thuận thời hạn trả, do chị C vay để đáo hạn thường là thời hạn ngắn và theo từng vụ nên tiền lãi (hoa hồng) sẽ chia theo từng vụ mà chị C đáo hạn. Nhưng sau đó chị C không trả cho Chị H khoản tiền lãi nào. Do chị C hèn nhiều lần nhưng đều không trả tiền lãi, Chị H không yên tâm về khoản tiền đã giao chị C, do đó đến ngày 20-10-2022, Chị H yêu cầu chị C làm giấy nợ, vì vậy chị C đã trực tiếp giấy nhận nợ cho Chị H đề tên “Giấy hùng vốn đáo hạn ngân hàng” ngày 20-10-2022 với tổng số tiền ghi trong giấy nợ là 531.000.000 đồng. Người mượn tiền Nguyễn Thị Kim C có ký tên và ghi họ tên. Sau khi chị C viết giấy nhận nợ xong thì có tự đọc lại giấy nợ và Chị H quay video ghi lại việc này. Từ khi nhận tiền vay của Chị H đến nay, chị C không trả Chị H khoản tiền gốc, lãi nào.

Nay chị H khởi kiện yêu cầu: Chị C trả tiền nợ gốc 531.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả 141.600.000 đồng ($531.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 02 \text{ năm } 08 \text{ tháng}$); không yêu cầu gì thêm.

Chị C trình bày: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có lời khai.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa. Nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi có quyết định xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn: Vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ 504, 505, 506, 508 BLDS; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hiền, buộc bà Chi phải trả cho bà Hiền số tiền 531.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, chị C được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ tranh chấp: Chị H khởi kiện yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay tài sản với chị C. Tuy nhiên giữa chị H và chị C có giấy chốt nợ là “Giấy

hùng vốn đáo hạn ngân hàng” ngày 20-10-2022, không phải vay tài sản; do đó quan hệ pháp luật là ‘tranh chấp hợp đồng hợp tác về góp vốn’.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Chị H khởi kiện yêu cầu chị C trả số tiền đã góp vốn được hai bên chốt nợ tại “Giấy hùng vốn đáo hạn ngân hàng” ngày 20-10-2022, giấy nợ do chị C viết và ký họ tên với số tiền tổng cộng 531.000.000 đồng. Sau khi chị C viết giấy chốt nợ xong đã tự đọc lại giấy nợ và Chị H ghi lại video làm chứng cứ giữa hai bên. Quá trình tố tụng, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt cho chị C theo quy định pháp luật nhưng chị C không tham gia tố tụng, không thực hiện nghĩa vụ chứng minh nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Lời khai của Chị H về việc chị C còn nợ chị tiền vốn góp tổng cộng 531.000.000 đồng theo “Giấy hùng vốn đáo hạn ngân hàng” ngày 20-10-2022 là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi: Tại “Giấy hùng vốn đáo hạn ngân hàng” ngày 20-10-2022 thể hiện: Chị C giao chị C số tiền 531.000.000 đồng với mục đích hai bên dùng làm vốn cho người khác vay đáo hạn ngân hàng. Tại lời khai của Chị H, người đại diện của Chị H cũng thể hiện, Chị H giao tiền cho chị C không thỏa thuận thời hạn trả; về lãi thỏa thuận rõ khi nào có lãi (hoa hồng) thì chia theo tỷ lệ vốn đã bỏ ra và tiền lãi tính theo từng vụ việc chị C cho vay đáo hạn. Do giữa Chị H và chị C là hợp đồng hợp tác về góp vốn (tiền) để thực hiện việc đáo hạn ngân hàng cho khách hàng, trong đó hai bên sẽ chia sẻ lợi tức (lãi) hoặc rủi ro (nếu có) của việc cho vay đáo hạn đó, nên việc chị C yêu cầu tính tiền lãi như hợp đồng vay tiền là không phù hợp với thỏa thuận giữa hai bên.

Chị H cho rằng chị C vi phạm nghĩa vụ trả nợ nhưng từ thời điểm giao tiền, chốt nợ ngày 20-10-2022 cho đến nay, chị không xác định được trong số tiền chị Hùn vốn với chị C đã thu lợi tức bao nhiêu, phần chị được hưởng nhưng chưa được chia là bao nhiêu để yêu cầu được hưởng lợi tức thu được từ hoạt động góp vốn, không có chứng cứ xác định thiệt hại để yêu cầu chị C thực hiện trách nhiệm dân sự nên không có cơ sở xem xét.

Từ những phân tích trên, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Chị H, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Chị H phải chịu án phí đối với phần yêu cầu tiền lãi 141.600.000 đồng không được Tòa án chấp nhận là 7.080.000 đồng. Chị C phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của Chị H được Tòa án chấp nhận là 25.240.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 385, 504, 504, 505, 506, 508 Bộ luật dân sự, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị H về tranh chấp hợp đồng hợp tác về góp vốn đối với chị Nguyễn Thị Kim C.

1.1. Buộc chị Nguyễn Thị Kim C có trách nhiệm trả cho chị Lâm Thị H số tiền 531.000.000 (*năm trăm ba mươi một triệu*) đồng.

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Chị Lâm Thị H phải chịu 7.080.000 đồng, được khấu trừ vào 15.452.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0023002 ngày 09-7-2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho Chị H 8.372.000 (*tám triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn*) đồng.

2.2. Chị Nguyễn Thị Kim C phải chịu 25.240.000 (*hai mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi nghìn*) đồng.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này đến Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

4. Trường hợp, bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND khu vực 11,
- Thi hành án dân sự T.Tây Ninh,
- Các đương sự.
- Lưu: Tập án, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TẠ THỊ HẠ

